

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Dịch vụ Du lịch Phú Thọ

Ngày 30/09/2025	13,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	10.2%	13.0%

DT thuần Q3/25
45.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.00 2.2%
YoY: ▼4.90 -9.9%

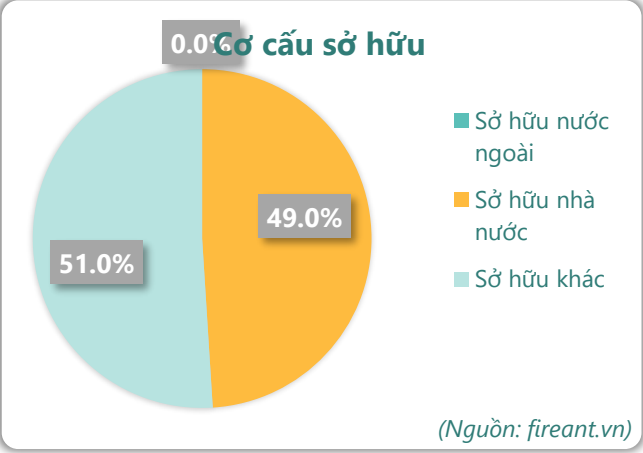
LN thuần Q3/25
-55.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼45.9 -481%
YoY: ▼41.3 -293%

LN sau thuế Q3/25
-55.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼45.9 -482%
YoY: ▼41.4 -295%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
-123%
YoY: +/-▼ 101%

ROE (TTM) Q3/25
-11.1%
YoY: +/-▼ 4.8%

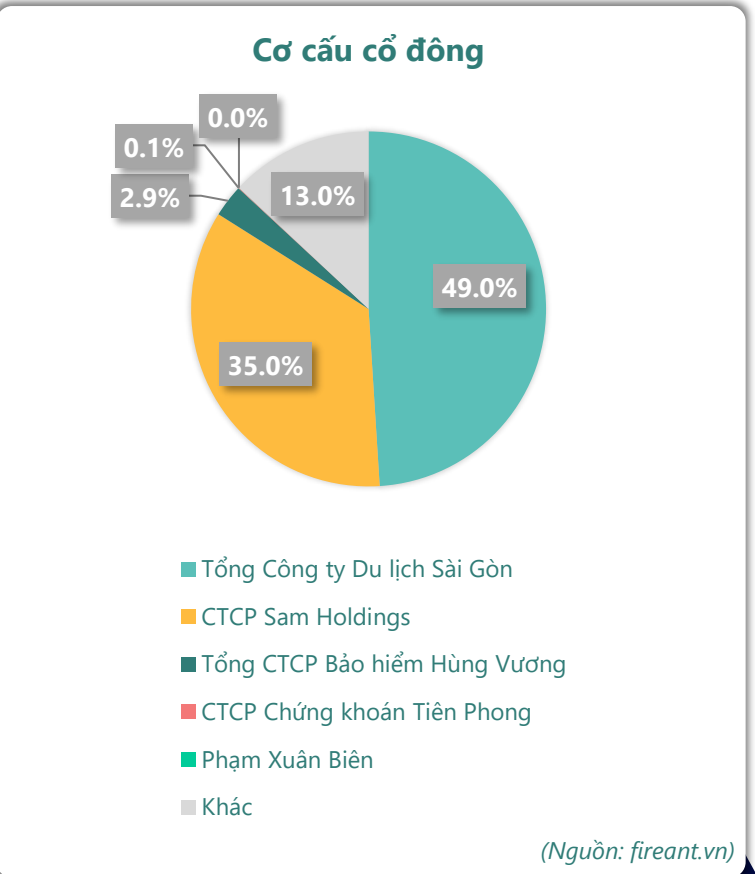
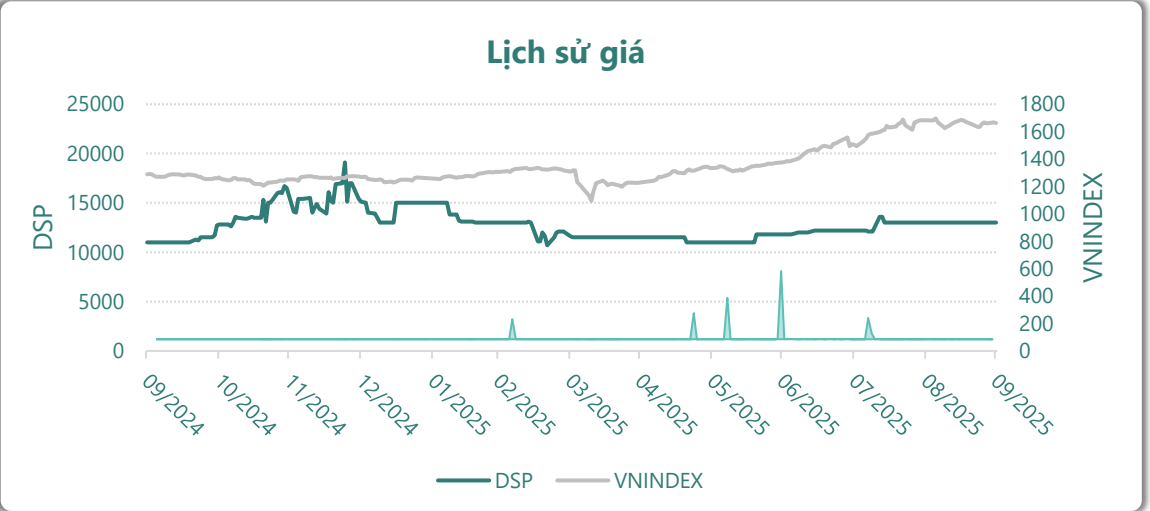
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	10,700 - 19,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,543
Số lượng CPLH (CP)	118,684,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.01
EPS	-848
P/E	-15.3



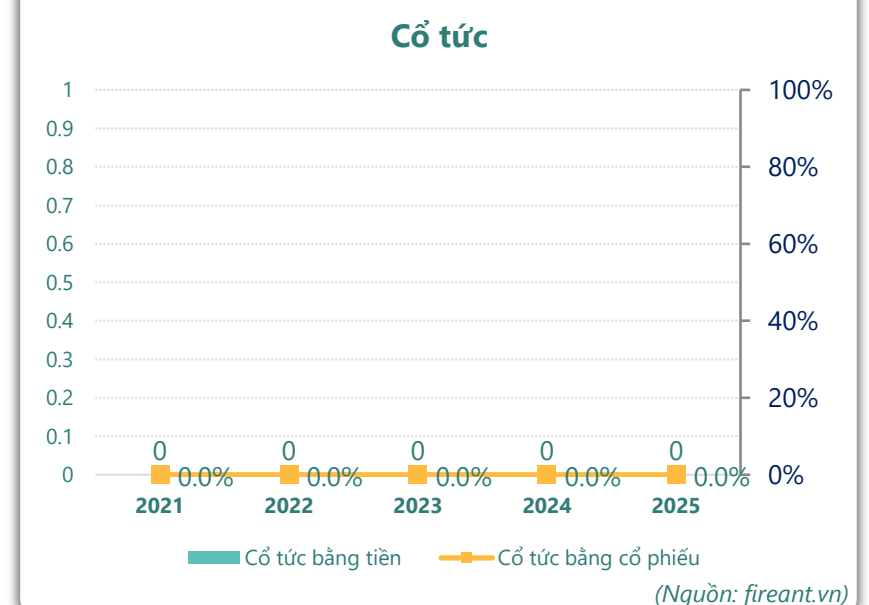
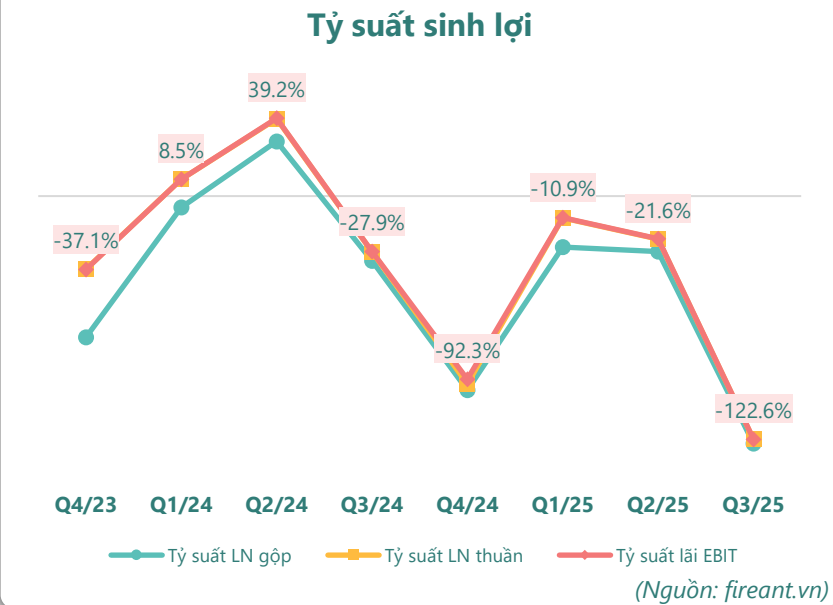
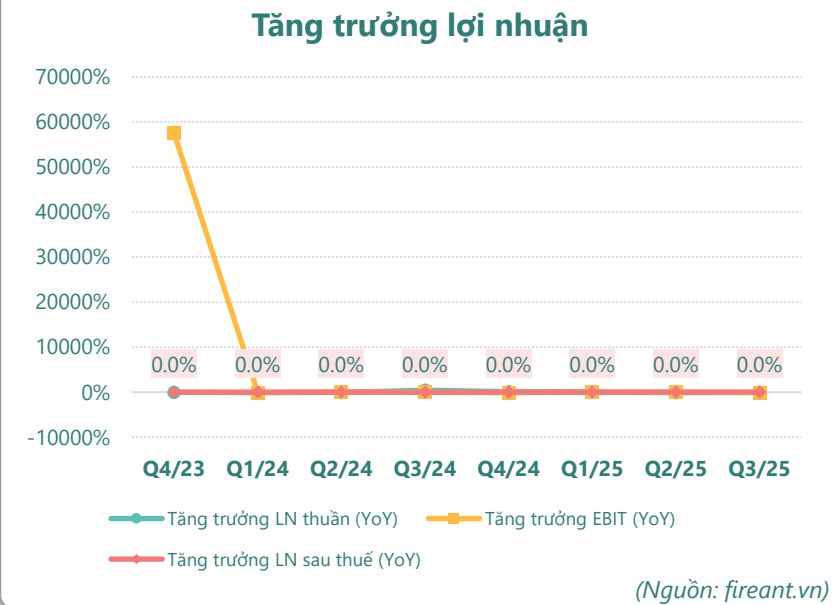
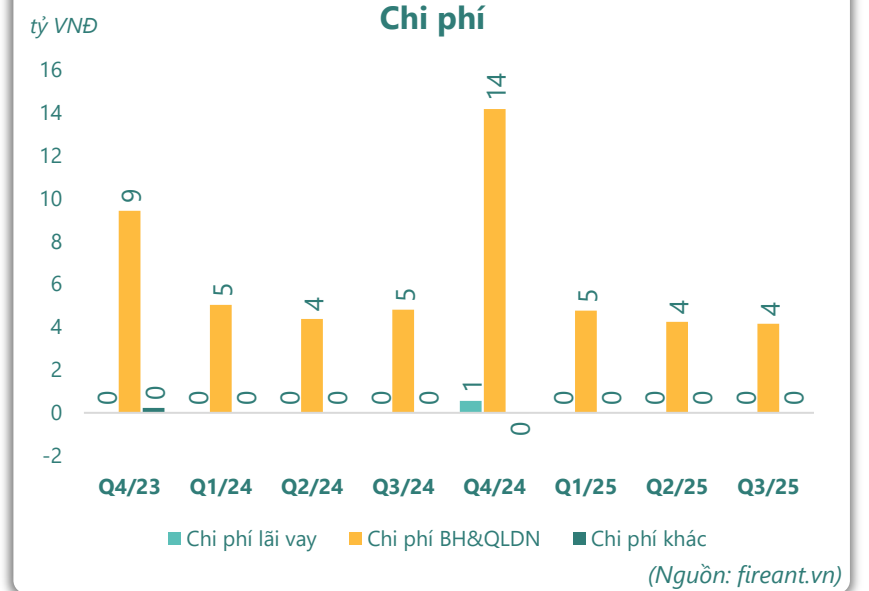
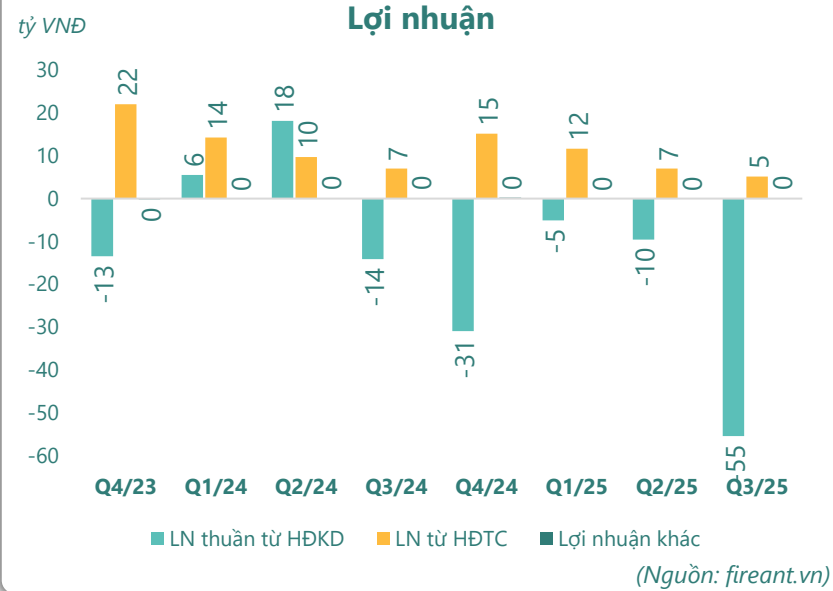
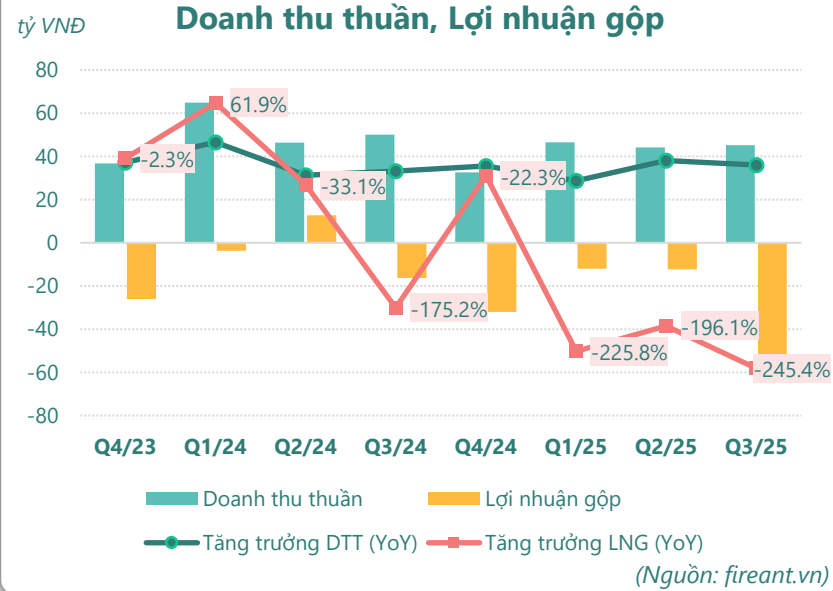
DT thuần 9T 2025
136
tỷ VNĐ
YoY: ▼25.0 -15.8%

LN thuần 9T 2025
-70.1
tỷ VNĐ
YoY: ▼79.6 -837%

LN sau thuế 9T 2025
-70.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼79.8 -816%



KẾT QUẢ KINH DOANH

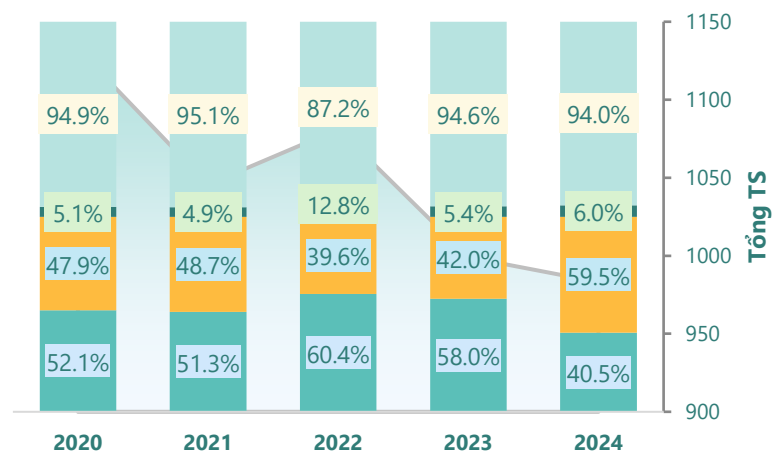




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

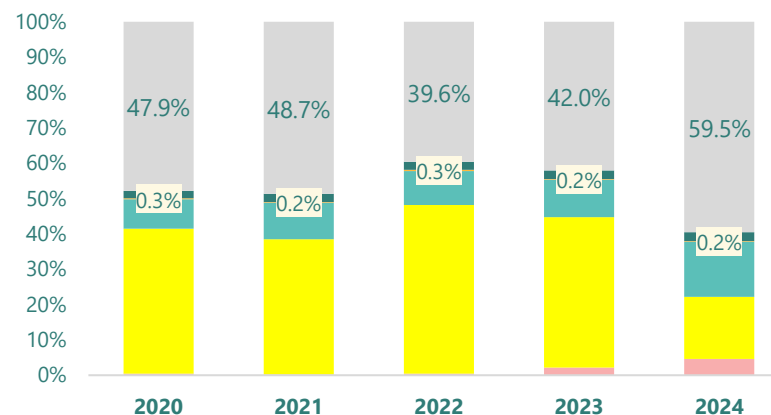
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH
(Nguồn: fireant.vn)

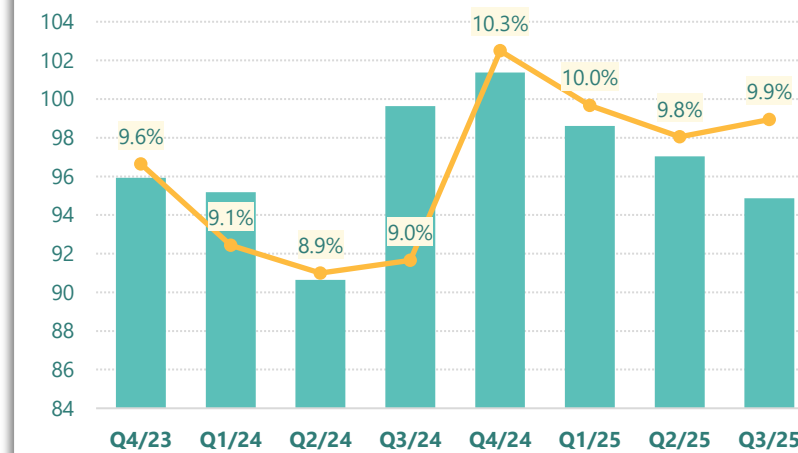
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

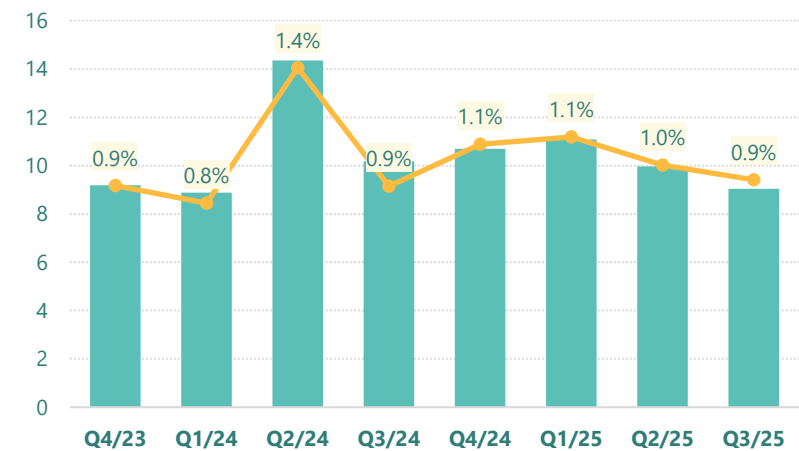
tỷ VNĐ



■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

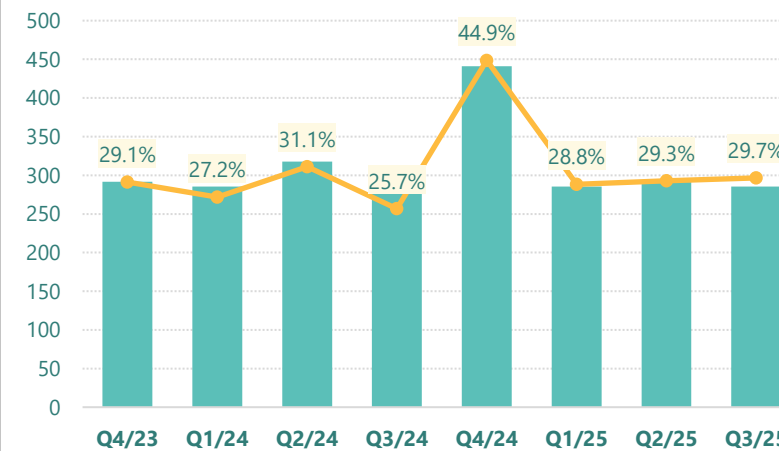
tỷ VNĐ



■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

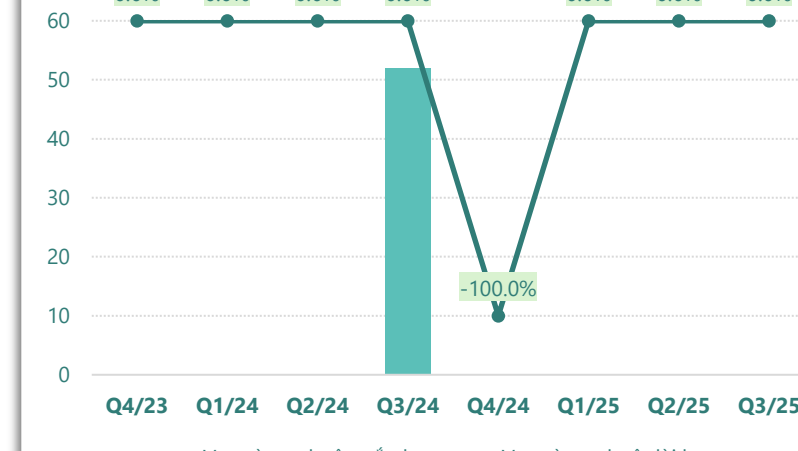
tỷ VNĐ



■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

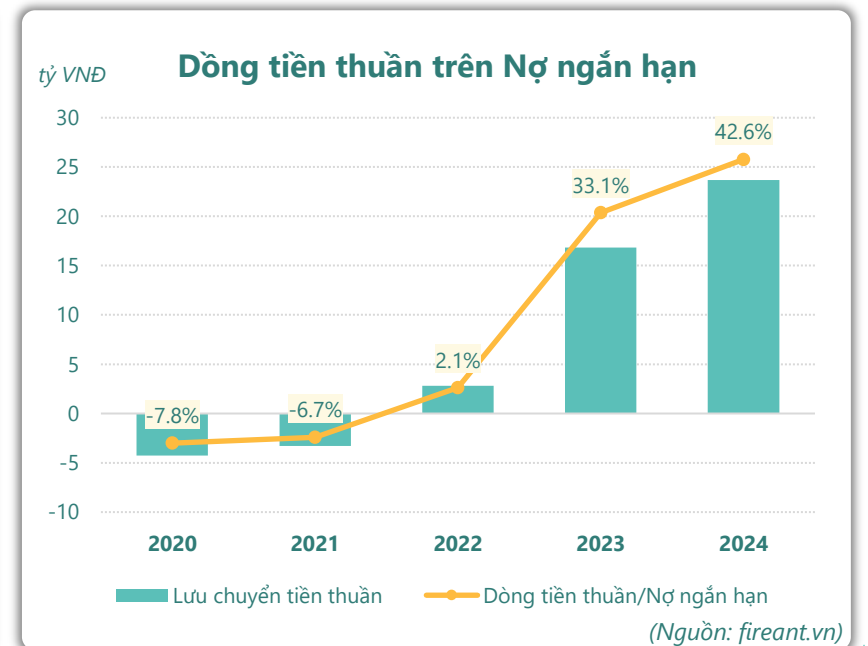
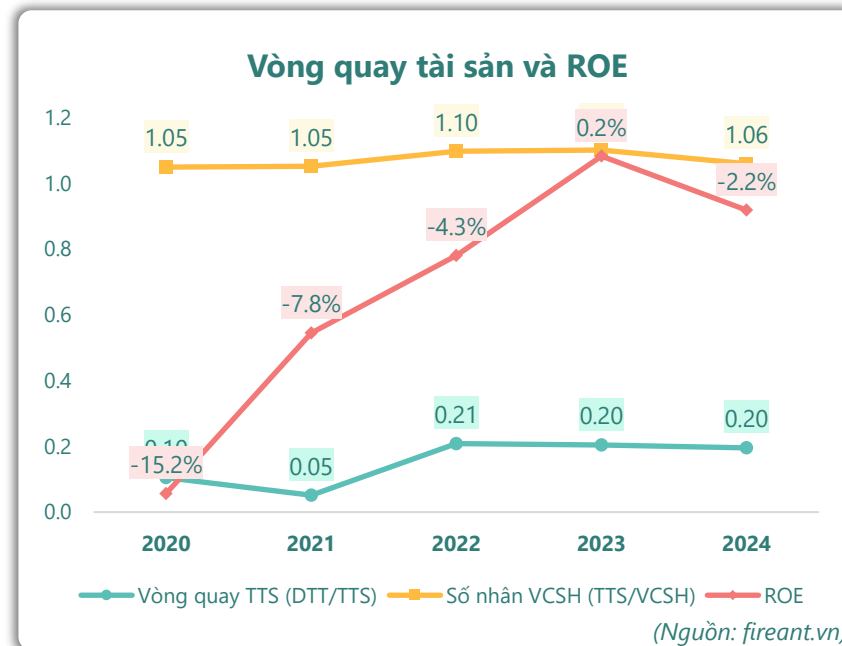
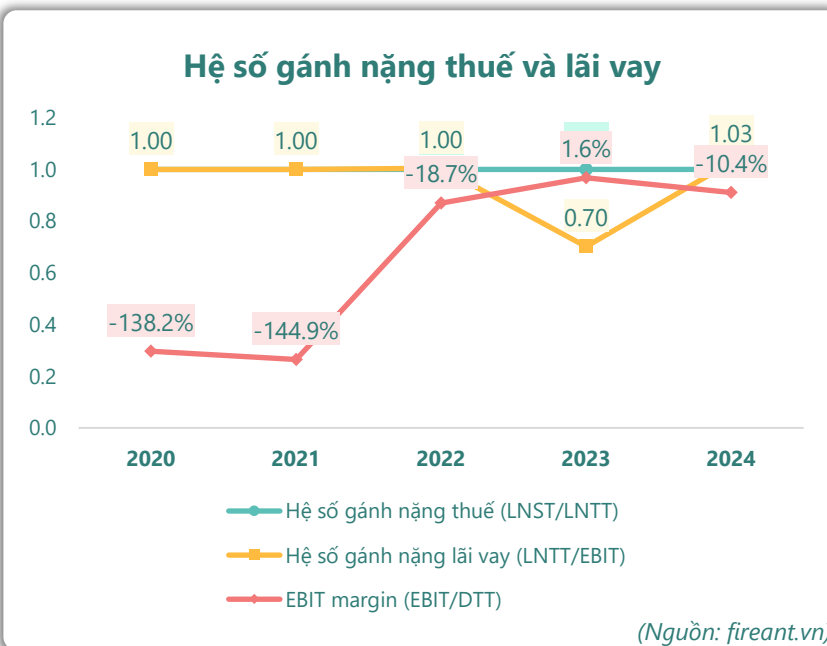
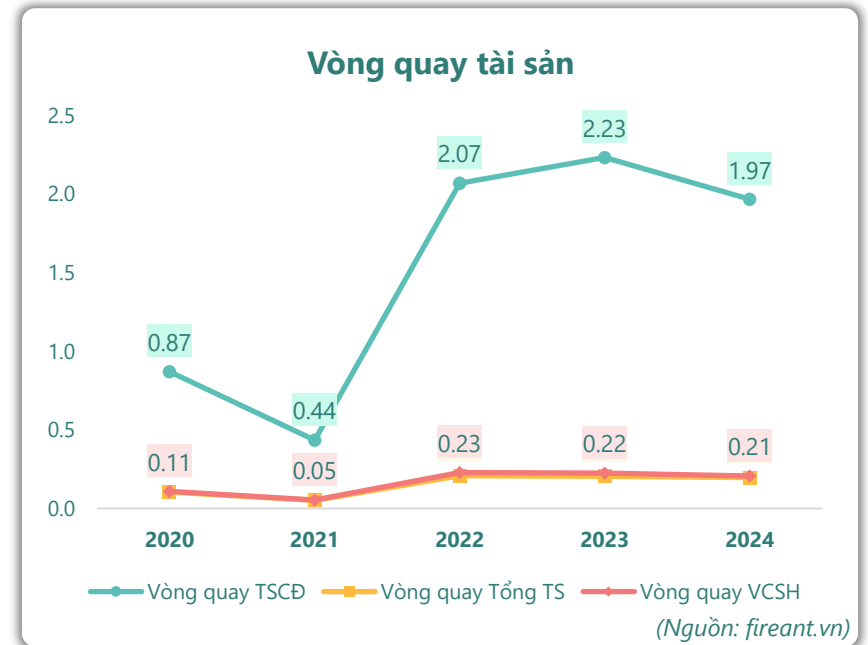
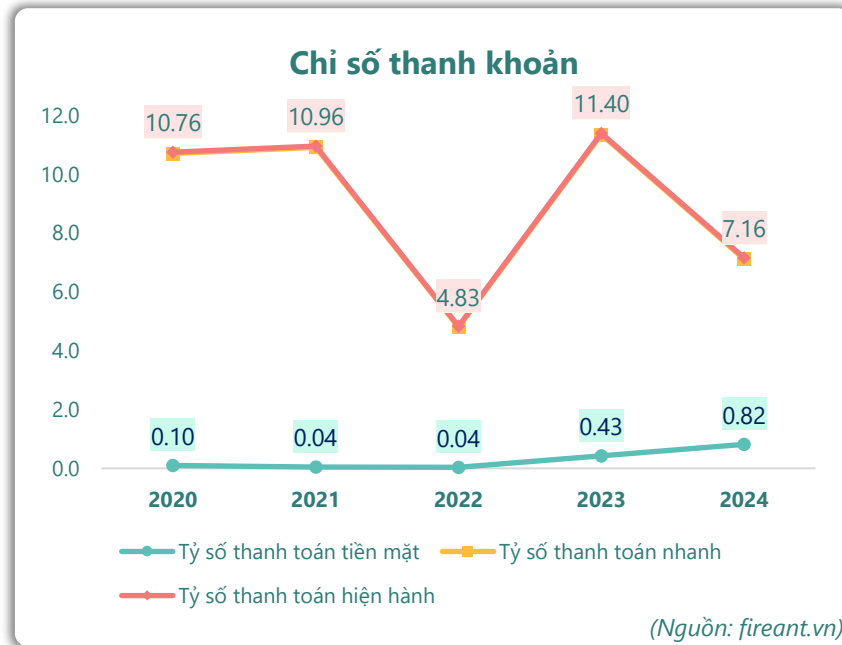
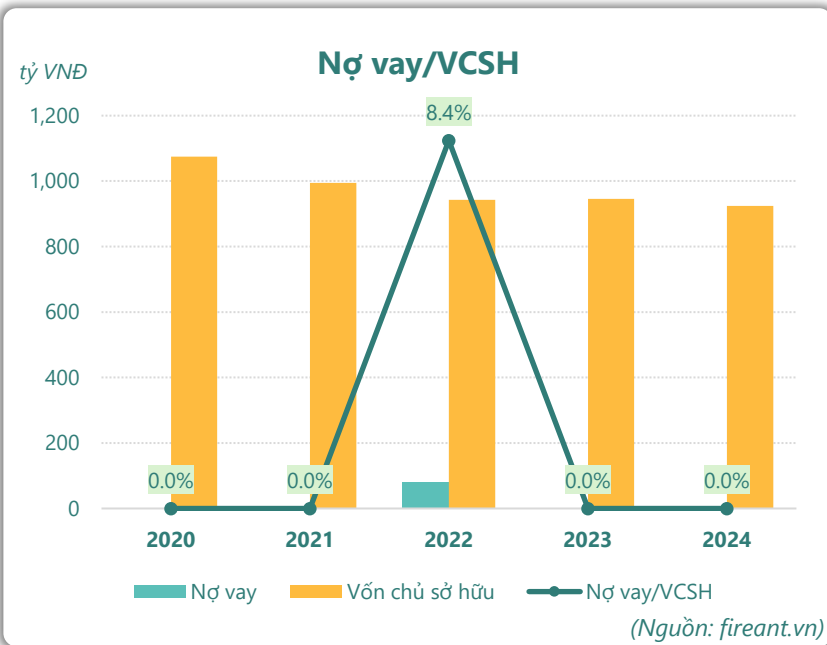
tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn — Tăng trưởng nợ vay
(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	45.2	50.1	-9.9%	136	161	-15.8%
Giá vốn hàng bán	102	66.4	52.9%	217	169	28.4%
Lợi nhuận gộp	-56.4	-16.3	-246%	-80.7	-7.18	-1023%
Doanh thu HĐTC	5.11	7.01	-27.1%	23.8	30.9	-23.1%
Chi phí TC	0	0.00		0.01	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.01	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.79	1.17	-32.1%	2.69	3.53	-23.8%
Chi phí QLDN	3.36	3.64	-7.6%	10.5	10.7	-2.1%
LN thuần từ HĐKD	-55.4	-14.1	-293%	-70.1	9.50	-837%
Lợi nhuận khác	0.05	0.13	-64.0%	0.10	0.27	-61.5%
LN trước thuế	-55.4	-14.0	-295%	-70.0	9.77	-816%
Lợi nhuận sau thuế	-55.4	-14.0	-295%	-70.0	9.77	-816%
LNST của CĐ cty mẹ	-55.4	-14.0	-295%	-70.0	9.77	-816%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2.58	-38.7	-41.3	-38.2	10.5	-25.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-6.47	-16.8	135	14.7	-27.3	89.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	52.0	-52.0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	15.9	6.81	3.29	45.4	21.9	5.09
Lưu chuyển tiền thuần	-9.06	-3.51	42.1	-23.5	-16.8	63.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	6.81	3.29	45.4	21.9	5.09	69.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	961	983	-2.2%
Tài sản ngắn hạn	540	398	35.7%
Tiền và tương đương tiền	69.0	45.4	52.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	247	173	43.2%
Phải thu ngắn hạn	199	153	30.0%
Hàng tồn kho	1.59	2.28	-30.3%
Tài sản ngắn hạn khác	23.6	25.0	-5.4%
Tài sản dài hạn	421	585	-28.0%
Phải thu dài hạn	13.0	12.6	2.8%
Tài sản cố định	94.9	101	-6.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	9.04	10.6	-14.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	285	441	-35.4%
Tài sản dài hạn khác	19.1	19.0	0.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	107	58.6	82.4%
Nợ ngắn hạn	103	55.6	84.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	9.92	11.9	-16.9%
Nợ dài hạn	4.10	2.98	37.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	855	925	-7.6%
Vốn chủ sở hữu	855	925	-7.6%
Vốn điều lệ	1,187	1,187	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

